

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN

Số: 2296/YCBG-BV

V/v: Yêu cầu báo giá thi công mô hình
kiến trúc quy hoạch tỷ lệ 1/500 Bệnh
viện HNĐK Nghệ An

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị thiết kế thi công mô hình kiến trúc tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để
tham khảo, xây dựng giá làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện thi công
mô hình quy hoạch tỷ lệ 1/500 tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.

Địa chỉ: Km5, đại lộ Lenin, phường Vinh phú, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Hoàng Đình Thập
- Chức vụ: Nhân viên phòng CSHT&TTB
- Số điện thoại: 0915085368

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi báo giá theo cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng CSHT&TTB - Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa
Nghệ An, Km5, đại lộ Lenin, phường Vinh phú, tỉnh Nghệ An. **Trên bì thư ghi
rõ nội dung báo giá cho danh mục cụ thể.**

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00ph ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến
trước 8h ngày 06 tháng 08 năm 2025 (nhận trong giờ hành chính).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày ký báo
giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung yêu cầu báo giá

- Báo giá thi công mô hình kiến trúc tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 gồm
các hạng mục sau bệnh viện HNĐKK Nghệ An với nội dung sau :

TT	Thông số quy hoạch	Thông số theo quy hoạch điều chỉnh		Ghi chú
		Tầng cao	Diện tích (m ²)	
I	Khu A			
01	Cổng chính	01 tầng	-	Đã xây dựng
02	Cổng bệnh nhân	01 tầng	-	Đã xây dựng
03	Cổng nhân viên	01 tầng	-	Đã xây dựng
3*	Lối lên xuống tầng hầm	-		QH, Xây dựng mới
04	Cổng tang lễ	01 tầng	-	QH, Xây dựng mới
05	Khối Bệnh viện 700 giường	07 tầng nổi + 01 hầm	12.900 m ²	Đã xây dựng
06	Khoa Bệnh nhiệt đới	02	1.200 m ²	Đã xây dựng
07	Khu khám, chữa bệnh nội trú - Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	07 tầng	1.770 m ²	XD mới, giữ nguyên diện tích, tăng tầng cao từ 1 tầng lên 7 tầng
08	Khu khám, chữa bệnh kỹ thuật cao theo yêu cầu, trung tâm dịch vụ tổng hợp	07 tầng	1.930 m ²	XD mới, giữ nguyên diện tích, tăng tầng cao từ 1 tầng lên 7 tầng, kết hợp nối nhà xưởng vật tư y tế (27) vào
09	Nhà tang lễ	01 tầng	1.650 m ²	Đã xây dựng
10	Trạm điện	01 tầng	650 m ²	Đã xây dựng
11	Trạm cấp nước	01 tầng	150 m ²	Đã xây dựng
12	Bể chứa 500 m ³	-	50 m ²	Đã xây dựng
13	Nhà khí y tế	01 tầng	165 m ²	Đã xây dựng
14	Khu xử lý nước thải	01 tầng	42 m ²	Đã xây dựng
15	Nhà đốt rác	01 tầng	50 m ²	Đã xây dựng
16	Nhà làm việc khu xử lý nước thải	01 tầng	281 m ²	Đã xây dựng
17	Bãi để xe ô tô ngoài trời	-	-	Đã xây dựng
18	Khu khám bệnh, chữa bệnh - quốc tế, nhà để xe	07 tầng	2.015 m ²	XD mới, đổi vị trí sang vị trí sân bóng giữ nguyên diện tích, tăng tầng cao từ 1 tầng lên 7 tầng
19	Bãi đỗ xe người nhà bệnh nhân có mái che	01 tầng	1.794 m ²	Đã xây dựng
20	Trụ sở làm việc, ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh kết hợp khu điều trị nội trú	05 tầng	850 m ²	Đã xây dựng

TT	Thông số quy hoạch	Thông số theo quy hoạch điều chỉnh		Ghi chú
		Tầng cao	Diện tích (m ²)	
21	Khu chuẩn đoán và điều trị nội trú	-	700 m ²	QH, Xây dựng mới
22	Khu thể thao	-	-	Chuyển vị trí, XD mới
23	Nhà điều trị can phạm	02 tầng	240 m ²	Đã xây dựng
24	Lối vào nhà xe bệnh nhân	-	-	Đã xây dựng
25	Nhà để xe học viên và nhà lưu trú nhân viên	01 tầng	662 m ²	Chuyển vị trí, XD mới
26	Khối nhà bảo vệ và nhà thuốc	01 tầng	180 m ²	Đã xây dựng
27	Cổng phụ phía Tây	-	-	QH, Xây dựng mới
28	Nhà điều trị nội trú Bệnh nhiệt đới	02 tầng	268 m ²	Đã xây dựng
29	Đường Hồ Tông Thốc	-	-	Đã xây dựng
30	Lối đi bộ sang khu B	-	-	Đã xây dựng
31	Lối vào khu A từ đường Hồ Tông Thốc	-	-	Đã xây dựng
32	Nhà vệ sinh và dịch vụ sân bóng	01 tầng	90 m ²	Chuyển vị trí, XD mới
33	Đài phun nước	-	-	Đã xây dựng
33*	Tầng hầm để xe	-	10.600 m ²	QH, Xây dựng mới
II	Khu B			
34	Khối bệnh viện 600 giường	09 nổi, 01 hầm	8.208 m ²	Đã xây dựng
35	Nhà dinh dưỡng	03 tầng	759,60 m ²	Đã xây dựng
36	Nhà khí y tế	01 tầng	50 m ²	Đã xây dựng
37	Nhà kỹ thuật	02 tầng	265 m ²	Đã xây dựng
38	Khu xử lý nước thải	01 tầng	190 m ²	Đã xây dựng
39	Nhà để rác, nhà vận hành xử lý nước thải	01 tầng	140 m ²	Đã xây dựng
40	Bể chứa nước ngầm	-	250 m ²	Đã xây dựng
41	Cầu nối khối Bệnh viện sang nhà dinh dưỡng	02 tầng	116 m ²	Đã xây dựng
42	Cầu nối Bệnh viện GD1 sang khối Bệnh viện GD 2	02 tầng	370,50 m ²	Đã xây dựng
43	Mương thủy lợi	-	-	Đã xây dựng
44	Bãi đỗ xe ô tô	01 tầng	-	Đã xây dựng
45	Cổng nhân viên	-	-	Đã xây dựng
46	Cổng phục vụ	-	-	Đã xây dựng
47	Bồn Ôxi hóa lỏng	01 tầng	25 m ²	Đã xây dựng

TT	Thông số quy hoạch	Thông số theo quy hoạch điều chỉnh		Ghi chú
		Tầng cao	Diện tích (m ²)	
48	Nhà bảo vệ (02 nhà)	01 tầng	32 m ²	Đã xây dựng
49	Lối vào khu B từ đường Hồ Tông Thốc	-	-	Đã xây dựng
50	Lối đi bộ sang khu A	-	-	Đã xây dựng
51	Cổng vào nhà xe	-	-	Đã xây dựng
52	Đài phun nước	-	-	Đã xây dựng
53	Nhà để xe máy, xe đạp (khung lắp ghép)	01 tầng	199 m ²	Xây dựng mới
54	Bãi đỗ xe ô tô khách	-	-	Đã xây dựng

- Tổng mặt bằng có kích thước tực tế khoảng (2,4m x3,9m)
- Các hạng mục (đã xây dựng) có file cad thiết kế kèm theo
- Yêu cầu các công trình chưa xây dựng chưa có thiết kế sơ bộ mà có trong quy hoạch được tạo khối kiến trúc có sảnh và lối vào theo định hướng quy hoạch

2. Địa điểm cung cấp: Cung cấp sản phẩm tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An.

- Địa chỉ: Km5, Đại lộ Lenin, P.Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các thông tin khác:

- Báo giá bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác.
- Đơn vị Báo giá phải có giá trị pháp lý, Hoá đơn tài chính và vận chuyển giao hàng tại Bệnh viện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu VT, CSHT&TTB.

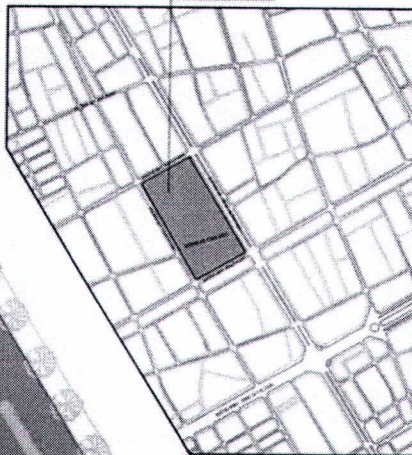
**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRỊNH XUÂN NAM

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

64 646 647 648

VI THỂ KHUẤT DUY HOẠCH



 中華民國國防部	
1. 姓名	2. 性別
3. 出生年月日	4. 籍貫
5. 學歷	6. 職業
7. 服務機關	8. 服務年資
9. 現任職務	10. 現任職等
11. 現任薪級	12. 現任待遇
13. 現任職別	14. 現任職別
15. 現任職別	16. 現任職別
17. 現任職別	18. 現任職別
19. 現任職別	20. 現任職別
21. 現任職別	22. 現任職別
23. 現任職別	24. 現任職別
25. 現任職別	26. 現任職別
27. 現任職別	28. 現任職別
29. 現任職別	30. 現任職別
31. 現任職別	32. 現任職別
33. 現任職別	34. 現任職別
35. 現任職別	36. 現任職別
37. 現任職別	38. 現任職別
39. 現任職別	40. 現任職別
41. 現任職別	42. 現任職別
43. 現任職別	44. 現任職別
45. 現任職別	46. 現任職別
47. 現任職別	48. 現任職別
49. 現任職別	50. 現任職別
51. 現任職別	52. 現任職別
53. 現任職別	54. 現任職別
55. 現任職別	56. 現任職別
57. 現任職別	58. 現任職別
59. 現任職別	60. 現任職別
61. 現任職別	62. 現任職別
63. 現任職別	64. 現任職別
65. 現任職別	66. 現任職別
67. 現任職別	68. 現任職別
69. 現任職別	70. 現任職別
71. 現任職別	72. 現任職別
73. 現任職別	74. 現任職別
75. 現任職別	76. 現任職別
77. 現任職別	78. 現任職別
79. 現任職別	80. 現任職別
81. 現任職別	82. 現任職別
83. 現任職別	84. 現任職別
85. 現任職別	86. 現任職別
87. 現任職別	88. 現任職別
89. 現任職別	90. 現任職別
91. 現任職別	92. 現任職別
93. 現任職別	94. 現任職別
95. 現任職別	96. 現任職別
97. 現任職別	98. 現任職別
99. 現任職別	100. 現任職別

List of items for the programme				
Sl. No.	Item description	Frequency	Hours	Weight
1	Unit 1: Introduction	1	10	10%
2	Unit 2: The History of the Indian Cinema	1	10	10%
3	Unit 3: The Indian Cinema in the 1940s and 1950s	1	10	10%
4	Unit 4: The Indian Cinema in the 1960s and 1970s	1	10	10%
5	Unit 5: The Indian Cinema in the 1980s and 1990s	1	10	10%
6	Unit 6: The Indian Cinema in the 2000s and 2010s	1	10	10%
7	Unit 7: The Indian Cinema in the 2020s	1	10	10%
8	Unit 8: The Indian Cinema in the 2030s	1	10	10%
9	Unit 9: The Indian Cinema in the 2040s	1	10	10%
10	Unit 10: The Indian Cinema in the 2050s	1	10	10%
11	Unit 11: The Indian Cinema in the 2060s	1	10	10%
12	Unit 12: The Indian Cinema in the 2070s	1	10	10%
13	Unit 13: The Indian Cinema in the 2080s	1	10	10%
14	Unit 14: The Indian Cinema in the 2090s	1	10	10%
15	Unit 15: The Indian Cinema in the 2100s	1	10	10%
16	Unit 16: The Indian Cinema in the 2110s	1	10	10%
17	Unit 17: The Indian Cinema in the 2120s	1	10	10%
18	Unit 18: The Indian Cinema in the 2130s	1	10	10%
19	Unit 19: The Indian Cinema in the 2140s	1	10	10%
20	Unit 20: The Indian Cinema in the 2150s	1	10	10%
21	Unit 21: The Indian Cinema in the 2160s	1	10	10%
22	Unit 22: The Indian Cinema in the 2170s	1	10	10%
23	Unit 23: The Indian Cinema in the 2180s	1	10	10%
24	Unit 24: The Indian Cinema in the 2190s	1	10	10%
25	Unit 25: The Indian Cinema in the 2200s	1	10	10%
26	Unit 26: The Indian Cinema in the 2210s	1	10	10%
27	Unit 27: The Indian Cinema in the 2220s	1	10	10%
28	Unit 28: The Indian Cinema in the 2230s	1	10	10%
29	Unit 29: The Indian Cinema in the 2240s	1	10	10%
30	Unit 30: The Indian Cinema in the 2250s	1	10	10%
31	Unit 31: The Indian Cinema in the 2260s	1	10	10%
32	Unit 32: The Indian Cinema in the 2270s	1	10	10%
33	Unit 33: The Indian Cinema in the 2280s	1	10	10%
34	Unit 34: The Indian Cinema in the 2290s	1	10	10%
35	Unit 35: The Indian Cinema in the 2300s	1	10	10%
36	Unit 36: The Indian Cinema in the 2310s	1	10	10%
37	Unit 37: The Indian Cinema in the 2320s	1	10	10%
38	Unit 38: The Indian Cinema in the 2330s	1	10	10%
39	Unit 39: The Indian Cinema in the 2340s	1	10	10%
40	Unit 40: The Indian Cinema in the 2350s	1	10	10%
41	Unit 41: The Indian Cinema in the 2360s	1	10	10%
42	Unit 42: The Indian Cinema in the 2370s	1	10	10%
43	Unit 43: The Indian Cinema in the 2380s	1	10	10%
44	Unit 44: The Indian Cinema in the 2390s	1	10	10%
45	Unit 45: The Indian Cinema in the 2400s	1	10	10%
46	Unit 46: The Indian Cinema in the 2410s	1	10	10%
47	Unit 47: The Indian Cinema in the 2420s	1	10	10%
48	Unit 48: The Indian Cinema in the 2430s	1	10	10%
49	Unit 49: The Indian Cinema in the 2440s	1	10	10%
50	Unit 50: The Indian Cinema in the 2450s	1	10	10%
51	Unit 51: The Indian Cinema in the 2460s	1	10	10%
52	Unit 52: The Indian Cinema in the 2470s	1	10	10%
53	Unit 53: The Indian Cinema in the 2480s	1	10	10%
54	Unit 54: The Indian Cinema in the 2490s	1	10	10%
55	Unit 55: The Indian Cinema in the 2500s	1	10	10%
56	Unit 56: The Indian Cinema in the 2510s	1	10	10%
57	Unit 57: The Indian Cinema in the 2520s	1	10	10%
58	Unit 58: The Indian Cinema in the 2530s	1	10	10%
59	Unit 59: The Indian Cinema in the 2540s	1	10	10%
60	Unit 60: The Indian Cinema in the 2550s	1	10	10%
61	Unit 61: The Indian Cinema in the 2560s	1	10	10%
62	Unit 62: The Indian Cinema in the 2570s	1	10	10%
63	Unit 63: The Indian Cinema in the 2580s	1	10	10%
64	Unit 64: The Indian Cinema in the 2590s	1	10	10%
65	Unit 65: The Indian Cinema in the 2600s	1	10	10%
66	Unit 66: The Indian Cinema in the 2610s	1	10	10%
67	Unit 67: The Indian Cinema in the 2620s	1	10	10%

[illegible]

8.00 to 9.00 PM

[illegible]

© 2003 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 253: 299–306

www.sagepub.com/journalsPermissions.nav